

CÔNG TY TNHH THUẬN PHONG VŨ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

00000000

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/DNCB

V/v: Đề nghị công bố năng lực hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: SỞ XÂY DỰNG TUYÊN QUANG

Công ty TNHH Thuận Phong Vũ xin gửi tới quý Sở xây dựng lời chào trân trọng và xin cảm ơn quý Sở đã giúp đỡ chúng tôi trong suốt thời gian vừa qua. Nay chúng tôi báo cáo và đề nghị một việc như sau:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng
- Căn cứ công bố số 01/2026-TPV của Công ty TNHH Thuận Phong Vũ về việc công bố thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng..

Đến nay, Công ty TNHH Thuận Phong Vũ đã thực hiện công bố thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cũng như năng lực hoạt động của các trạm thí nghiệm hiện trường trên công thông tin điện tử của đơn vị tại trang: <https://thuanphongvulasxd.com/cong-bo-nang-luc>.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị trong quá trình hoạt động thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình xây dựng và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.

Bằng công văn này, chúng tôi kính gửi thông tin tới quý Sở xây dựng về việc công bố thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên và kính đề nghị quý Sở xây dựng đăng tải công khai thông tin năng lực của đơn vị trên trang thông tin điện tử của Sở xây dựng.

Chúng tôi xin gửi kèm Hồ sơ công bố năng lực tới quý Sở xây dựng:

- Công văn công bố năng lực hoạt động của phòng thí nghiệm trung tâm
- Giấy đăng ký kinh doanh đáp ứng điều kiện hoạt động thí nghiệm xây dựng.
- Danh sách thí nghiệm viên đáp ứng thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm.
- Danh mục máy móc thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm.

Kính mong quý Sở xây dựng đăng tải thông tin trong thời gian sớm nhất.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP

CÔNG TY TNHH THUẬN PHONG VŨ

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THU TRANG

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 5000812018

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 12 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 02 tháng 02 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THUẬN PHONG VŨ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số nhà 93, đường Lê Hồng Phong, tổ dân phố 10, Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyền Quang, Việt Nam

Điện thoại:

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN
MÃ SỐ DOANH NGHIỆP: 5000812018
NGÀY: 02-02-2026
QUẬN 2



STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THU TRANG	Việt Nam	Số nhà 93, đường Lê Hồng Phong, tổ dân phố 10, Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	170.000.000	34,000	008198011605	
2	NGUYỄN THANH HẢI	Việt Nam	Tổ dân phố 12, Phường An Tường, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	165.000.000	33,000	034075011297	
3	TRẦN THỊ NHUNG	Việt Nam	Số nhà 10, tổ dân phố Tân Quang 13, Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	165.000.000	33,000	008186000876	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN THU TRANG **GIỚI THIỆU CHỨNG THỰC BẢN SAO TỰ BẢN CHÍNH** Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 07/08/1998 **CHỨNG THỰC BẢN SAO TỰ BẢN CHÍNH** Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 008198011605 **09-02-2026**

Chức danh: Giám đốc **Số chứng thực: 2466.1** Quyền số: SCT/BS

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 93, đường Lê Hồng Phong, tổ dân phố 10, Phường Minh Xuân, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam



Đỗ Mạnh Dũng

CÔNG TY TNHH THUẬN PHONG VŨ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2026-TPV

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

- Sở Xây dựng Tỉnh Tuyên Quang;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH Thuận Phong Vũ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số 5000812018 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 02 tháng 02 năm 2026 do phòng doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh cấp.

Địa chỉ: Số nhà 93, đường Lê Hồng Phong, tổ 10, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang
Điện thoại: 0353 431 692

Email: Lasxd1449@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số nhà 93, đường Lê Hồng Phong, tổ 10, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang

Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường (nếu có):

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
-1	-2	-3	-4	-5
I	THỬ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG			

1	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012 AASHTO T100 ASTM D854	Dầu hoả, Bơm chân không Cân kỹ thuật (0,01g), Bình tỷ trọng (100cm ³), Cối chày sứ (đồng), Rây 2mm, Bếp cát, Tủ sấy (t ⁰), Tỷ trọng kế, Thiết bị ổn nhiệt, Cốc nhỏ hộp nhum cú nắp...	Điền Văn Phúc
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012 AASHTO T265 ASTM D2216	Tủ sấy (t ⁰) đến 300 ⁰ C, Cân kỹ thuật (0,01g), Cốc thuỷ tinh (hộp nhum cú nắp), bình hýt ẩm cú clorua canxi, Rây (1mm), Cối và chày sứ cú đầu bọc cao su, Khay men phơi đất, Cân kỹ thuật (0,01g), Cân phân tích tới (0,001g), Rây 0,5mm, Cốc thuỷ tinh (hộp nhôm có nắp), Bình hút ẩm có clorua canxi...	Điền Văn Phúc
3	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 AASHTO T89;T90 ASTM D4318	Các tấm kính nhám, Rây (1mm), Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, Bình thuỷ tinh cú nắp, Cân kỹ thuật (0,01g), Cốc thuỷ tinh (hộp nhum cú nắp), Tủ sấy (t ⁰), Bát sắt trồng men, Dao để trộn, Dụng cụ Casagrande...	Điền Văn Phúc
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 AASHTO T88 ASTM D422	Cân kỹ thuật (0,01g), Bộ, Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, Tủ sấy (t ⁰), Cân phân tích, Tỷ trọng kế (vạch 0,001), Bình đong (1000cm ³ , f 60±2mm)...	Điền Văn Phúc

5	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995 ASTM D2844 AASHTO T190	Máy cắt một phẳng ứng biến 4 tốc độ; Đồng hồ đo biến dạng; Vũng đo lực ngang; Quả cân ($0,1.10^5\text{N/m}^2 \dots 1.10^5\text{N/m}^2$)...	Điền Văn Phúc
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200: 2012	Máy nén (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng); Mẫu chuẩn bằng kim loại; Dao gọt đất; Dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng; Tủ sấy (t^0); Cân kỹ thuật (0,01g); Đồng hồ đo biến dạng (vạch 0,01mm; Quả cân...	Điền Văn Phúc
7	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 TCVN 12790:2020 AASHTO T99;T180 ASTM D1557 ASTM D698	Cối đầm, chày đầm, cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng lỗ vuông 5 mm, dao gọt...	Điền Văn Phúc
8	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012 ASTM D2937	Dao vòng bằng kim loại, Thước cặp, Dao cắt có lưỡi thẳng, Cân kỹ thuật (0,01 và 0,1g), Các tấm kính, Dụng cụ xác định độ ẩm, Hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp, Tủ sấy (t^0), Bình hút ẩm...	Điền Văn Phúc
9	Thí nghiệm CBR của đất, đá dăm trong phòng TN	TCVN 12792:2020 AASHTO T193 ASTM D1883 TCVN 8821:2011	Máy nén CBR, Cối đầm loại to ($D=152,4\text{ mm}$), Chày đầm tiêu chuẩn, Chày đầm cải tiến, Cối CBR, tấm đệm, Tấm đo, Trương nở, Đồng hồ đo trương nở, Giá đỡ thiên phân kế, Tấm gia tải...	Điền Văn Phúc

10	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012 ASTM D2434	Bộ thí nghiệm thấm K của đất gồm bảng thấm, bình chứa, hộp mẫu chuẩn...	Điền Văn Phúc
11	Xác định độ trương nở của đất	TCVN 8719:2012 ASTM D4546	Bộ thí nghiệm trương nở đất	Điền Văn Phúc
12	Xác định độ thấm nước của đất	TCVN 8731: 2012	Vòng chắn thép, thiết bị cấp nước, ống đo cột nước có vạch thể tích.	Điền Văn Phúc
13	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất	TCVN 8724:2012	Bộ xác định góc nghỉ tự nhiên của đất.	Điền Văn Phúc
14	Đất gia cố xi măng: xác định cường độ kéo khi ép chế, modul đàn hồi, cường độ kháng nén, kháng uốn	TCVN 9403:2012 TCVN 8862:2011	Máy nén 300kn, bộ gá uốn, bộ ép chế, vòng đo modul đàn hồi khi nén.	Điền Văn Phúc
II	GẠCH ĐẤT SÉT NUNG			
1	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước đo độ chính xác 0,1mm	Điền Văn Phúc
2	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén thủy lực; Bộ dụng cụ dùng chung	Điền Văn Phúc
3	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy nén thủy lực; Bộ gá uốn ;Bộ dụng cụ dùng chung	Điền Văn Phúc
4	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy 300 độ C; Cân kỹ thuật độ chính xác 1g	Điền Văn Phúc
5	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Tủ sấy 300 độ C; Cân kỹ thuật độ chính xác 1g, thước kẹp	Điền Văn Phúc
6	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật độ chính xác 1g, thùng chứa mẫu	Điền Văn Phúc
III	GẠCH BÊ TÔNG			

1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén, độ rỗng, độ thấm nước; độ hút nước	TCVN 6477:2016		Thước lá, thước kẹp, Cân kỹ thuật chính xác 1g; Máy nén thủy lực; Bộ dụng cụ thử thấm;	Điền Văn Phúc
2	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009		Tủ sấy 300 độ C; Cân kỹ thuật độ chính xác 1g	Điền Văn Phúc
IV	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN				
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định cường độ nén,	TCVN 6476-1999		Máy nén thủy lực; Thước lá; Thước kẹp; Bộ má ép; Bộ dụng cụ dùng chung	Điền Văn Phúc
2	Xác định độ mài mòn bề mặt	TCVN 6065:1995		Thước kẹp; Tủ sấy 300 độ C; Máy mài mòn bề mặt;	Điền Văn Phúc
3	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009		Tủ sấy 300 độ C; Cân kỹ thuật độ chính xác 1g	Điền Văn Phúc
V	NGÓI ĐẤT SÉT NUNG VÀ PHỤ KIỆN				
1	Xác định khuyết tật ngoại quan và kích thước; độ hút nước và khối lượng 1m ² ở trạng thái bão hòa nước; tải trọng uốn gãy	TCVN 4313:2023		Thước đo các loại độ chính xác 1mm; Tấm kim loại độ chính xác 1/10mm; Máy nén thủy lực; Bộ gá uốn	Điền Văn Phúc
VI	PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG				

1	Xác định độ PH; xác định tỷ trọng; xác định hàm lượng chất khô; Xác định hàm lượng hòa tan tro của phụ gia; Xác định tỷ trọng của phụ gia lỏng; Xác định hàm lượng ion Clo	TCVN 8826:2011		Bút đo Ph; cân phân tích độ chính xác 0,001g; tủ sấy; bình thủy tinh, ống đong, pipet, bình hút ẩm, lò nung, tỷ trọng kế, bể ổn nhiệt, hóa chất các loại.	Điền Văn Phúc
VII	GẠCH TERRAZZO				
1	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn bề mặt; Xác định cường độ uốn, nén	TCVN 7744:2013		Thước độ chính xác 0,1mm; Thước nivo; Tủ sấy; Cân kỹ thuật; Thùng chứa; Máy mài mòn bề mặt; Máy nén thủy lực	Điền Văn Phúc
VIII	KIỂM TRA KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN				
1	Vật liệu Kim loại – Phương pháp thử kéo	TCVN 1651:2018 TCVN 314 : 2008 TCVN 197-1:2014		Máy kéo nén đa năng 1000KN; thước lá; dụng cụ dùng chung	Lý Văn Trọng
2	Vật liệu Kim loại – Phương pháp thử uốn	TCVN 198:2014		Máy kéo nén đa năng 1000KN; Bộ gối uốn các loại; dụng cụ dùng chung	Lý Văn Trọng
3	Thử nghiệm bulong, đai ốc	TCVN 1916:1995		Máy kéo đa năng, bộ gá kéo bulong	Lý Văn Trọng
4	Thử nghiệm hệ số xiết của bulong, vít, vít cấy	JIS B1186		Cần đo lực xiết	Lý Văn Trọng
5	Thử kéo tĩnh môi nối bằng ống ren	TCVN 8163:2009		Máy kéo nén đa năng, thước lá, dụng cụ dùng chung	Lý Văn Trọng

6	Vật liệu kim loại - Ống – Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008	Máy kéo nén đa năng 1000KN; tấm ép cứng	Lý Văn Trọng
7	Mối hàn- Phương pháp thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy kéo nén đa năng 1000KN; Bộ gối uốn các loại; dụng cụ dùng chung	Lý Văn Trọng
8	Kiểm tra chất lượng mối hàn – thử va đập	TCVN 5402:2010	Máy thử độ bền va đập kim loại, thiết bị dùng chung	Lý Văn Trọng
9	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010	Máy kéo nén đa năng, thước lá, dụng cụ dùng chung	Lý Văn Trọng
10	Thử nghiệm cường độ chịu nén của gang	BS EN 124:1995	Máy nén thủy lực, thiết bị dùng chung.	Lý Văn Trọng
11	Thử không phá hủy mối hàn – thử siêu âm	TCVN 6735:2018 TCVN 1548:1987	Máy siêu âm đường hàn	Lý Văn Trọng
12	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – Phương pháp thâm thấu, phương pháp bột từ và phương pháp chụp phim	TCVN 4617:2018 TCVN 4396:2018 TCVN 6111:2009	Gông từ AC; Sơn phản quang; Bột từ; bình thâm thấu; máy quét xray.	Lý Văn Trọng
13	Mối hàn- Phương pháp thử kéo dọc, kéo ngang	TCVN 8310:2010 TCVN 8311:2010	Máy kéo nén đa năng 1000KN; thước lá; dụng cụ dùng chung	Lý Văn Trọng
14	Thử cấp dự ứng lực	ASTM A370:2002		Lý Văn Trọng
15	Thử áp lực ống	TCVN 1832:2008 TCVN 7972:2008 TCVN 8491:2011 TCVN 10097:2013 TCVN 7304:2008 TCVN 9070:2012	Bộ bơm thử áp lực đường ống, thiết bị dùng chung	Lý Văn Trọng
IX	THỬ NGHIỆM XI MĂNG			
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	Sàng 0,09mm, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, bình khối lượng riêng	Lưu Thị Thủy

2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011	Máy trộn vữa JJ5, khuôn (4x4x16cm), máy dần tạo mẫu, máy nén xi măng, bộ gá nén xi măng, bộ gá uốn xi măng	Lưu Thị Thủy
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích và hàm lượng bọt khí trong vữa và xi măng	TCVN 6017:2015	Dụng cụ Vica, cân kỹ thuật (0,01g), đồng hồ bấm giây, máy trộn vữa JJ5, thùng lược mẫu, Khuôn Le Chatelier...	Lưu Thị Thủy
4	Thử nghiệm nhiệt hóa của xi măng ở tuổi 28 ngày (Hn)	TCVN 6070:2005	Nhiệt lượng kế, hộp téc mốt, nhiệt kế becman vạch chia 0,01 độ; phễu thủy tinh, máy khuấy siêu tốc; tủ sấy; lò nung; tủ đông hộ mẫu; cân phân tích; pipet; ống đong; dụng cụ dùng chung; hóa chất..	Lưu Thị Thủy
5	Xác định độ nở sunfat của xi măng	TCVN 6068:2004	Khuôn đúc mẫu; Thiết bị thử độ co ngót của xi măng	Lưu Thị Thủy
6	Xác định hàm lượng MgO, SO ₃ , tổng hàm lượng (C ₄ AF + 2C ₃ A); lượng mất khi nung; hàm lượng cặn không tan	TCVN 6820:2015 TCVN 141: 2008	Cân phân tích chính xác 0,0001g; lò nung; máy cất nước; máy đo màu; tủ sấy; máy quang phổ; chén bạch kim; dụng cụ thủy tinh; dụng cụ dùng chung...	Lưu Thị Thủy
X	THỬ CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			
1	Xác định thành phần cốt hạt	TCVN 7572-2:2006	Cân điện tử chính xác 0,01g, Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy 300 độ C	Lưu Thị Thủy

2	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006		Cân điện tử chính xác 0,01g, Tủ sấy 300 độ C, Bình thủy tinh các loại, Thùng ngâm mẫu, Khay chứa mẫu các loại, Côn thử độ hấp phụ nước của cát, Bình hút ẩm, sàng 5mm.	Lưu Thị Thủy
3	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006		Bộ cân thủy tinh độ chính xác 0,1g, cân điện tử 15kg x0.5g, thùng ngâm mẫu, thước kẹp 200mm, tủ sấy 300 độ C.	Lưu Thị Thủy
4	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006		Cân điện tử độ chính xác 0,01g, Phễu chứa vật liệu, Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy 300 độ C, thước lá	Lưu Thị Thủy
5	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006		Cân điện tử độ chính xác 0,01g, Tủ sấy 300 độ C, dụng cụ đảo mẫu	Lưu Thị Thủy
6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006		Cân điện tử độ chính xác 0,01g, Tủ sấy 300 độ C, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây	Lưu Thị Thủy
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006		Ống dung tích 100ml-250ml, Cân điện tử độ chính xác 0,01g, Bếp cách thủy, Sàng các loại, thang màu, thuốc thử	Lưu Thị Thủy
8	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006		Máy nén thủy lực, thùng ngâm mẫu, thước kẹp	Lưu Thị Thủy
9	Xác định độ nén dập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006		Máy nén thủy lực, xi lanh thép, Cân điện tử 15kg $\pm$ 0,5g	Lưu Thị Thủy

10	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006		Máy Losangeles, bi thép, Cân điện tử 15kg $\pm 0,5g$; Bộ sàng cốt liệu, Tủ sấy 300 độ C	Lưu Thị Thủy
11	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006		Cân điện tử 15kg $\pm 0,5g$; Bộ sàng tiêu chuẩn, Thước kẹp cải tiến, Tủ sấy 300 độ C	Lưu Thị Thủy
12	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006		Cân kỹ thuật 0,01g; Cân phân tích độ chính xác 0,0001g; Tủ sấy, Bộ sàng, Hóa chất các loại; Bình hút ẩm; chén bạch kim; Bộ dụng cụ dùng chung;	Lưu Thị Thủy
13	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006		Cân kỹ thuật 0,01g; Cân phân tích độ chính xác 0,0001g; Tủ sấy, Bộ sàng, Hóa chất; Chày cối; Bình hút ẩm; Bộ dụng cụ dùng chung; Máy đo hàm lượng clorua	Lưu Thị Thủy
14	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit	TCVN 7572-16:2006		Cân kỹ thuật chính xác 0,01g; Cân phân tích độ chính xác 0,0001g; Sàng; Tủ sấy 300 độ C; Bếp điện, Lò nung; Máy lắc sàng; Bình định mức; Hóa chất các loại	Lưu Thị Thủy
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006		Cân kỹ thuật 320g $\pm 0,001g$; Bộ sàng tiêu chuẩn; Tủ sấy 300 độ C; kim sắt, kim nhôm, búa	Lưu Thị Thủy
16	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006		Cân kỹ thuật 320g $\pm 0,001g$; Kính lúp	Lưu Thị Thủy
17	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006		Cân kỹ thuật, Sàng tiêu chuẩn, lò nung, bình kim loại, Tủ sấy 300 độ C, Bình định mức,	Lưu Thị Thủy

				chén sứ, hóa chất các loại	
18	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006		Cân phân tích 320g±0,001g; Tủ sấy, Sàng	Lưu Thị Thủy
19	Xác định hệ số (ES)	ASTM D 2419:1991		Bộ xác định đương lượng cát	Lưu Thị Thủy
20	Xác định hàm lượng hạt có kích thước nhỏ hơn 0,075mm	TCVN 9205:2012		Cân kỹ thuật 0,01g; Cân; Tủ sấy, sàng 0,075mm, Chày cối; Bình hút ẩm; Bộ dụng cụ dùng chung;	Lưu Thị Thủy
21	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012		Bộ dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát	Lưu Thị Thủy
22	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017		Bộ thí nghiệm góc cạnh cốt liệu thô	Lưu Thị Thủy
23	Xác định tỷ trọng và độ hút nước cốt liệu mịn	AASHTO T84; ASTM C128:97		Cân kỹ thuật chính xác 0,01g; bình tỷ trọng; côn chày hấp phụ nước của cát	Lưu Thị Thủy
XI	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG				Lưu Thị Thủy
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022		Cân điện tử độ chính xác 0,1g; Bộ sàng tiêu chuẩn; Tủ sấy 300 độ C	Lưu Thị Thủy
2	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022		Thước kẹp; Bàn giã; Khâu hình côn; Chày đầm	Lưu Thị Thủy
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022		Cân kỹ thuật độ chính xác 1g; Bình đong có thể tích 1L	Lưu Thị Thủy
4	Xác định thời gian đông kết	TCVN 3121-9:2022		Dụng cụ Vica, cân kỹ thuật (0,01g), đồng hồ bấm giây, máy trộn vữa JJ5, thùng lược mẫu, Khuôn Le Chatelier...	Lưu Thị Thủy

5	Xác định khối lượng thể tích mẫu của vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022		Cân kỹ thuật độ chính xác 0,1g; Thước kẹp; Tủ sấy 300 độ C; Parafin	Lưu Thị Thủy
6	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022		Khuôn vữa kẹp 3; Tủ sấy 300 độ C; Máy nén vữa; Bộ gá thử nén, uốn	Lưu Thị Thủy
7	Xác định cường độ bám dính của vữa đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022		Thiết bị đo độ bám dính của vữa.	Lưu Thị Thủy
8	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022		Khay, đồng hồ bấm giây; Cân kỹ thuật; Tủ sấy 300 độ C; Khuôn kim loại	Lưu Thị Thủy
XII	BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				Lưu Thị Thủy
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022		Bộ côn thử độ sụt bê tông, thước đo; Đồng hồ đo thời gian	Lưu Thị Thủy
2	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3115:2022		Cân điện tử có cấp chính xác 0,1g, thước lá chính xác 1mm, bình hút ẩm, tủ sấy 300 độ C.	Lưu Thị Thủy
3	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022		Khuôn đúc mẫu 20x20cm, bàn rung, cân điện tử độ chính xác 0.1g; Sàng 5mm, thước lá, tủ sấy 300 độ C, khay chứa mẫu, thùng đựng 5 lít, 10 lít, ống đựng 50ml-200ml, pipet.	Lưu Thị Thủy
4	Xác định hàm lượng bọt khí bê tông	TCVN 3111:2022		Thiết bị đo hàm lượng bọt khí bê tông	Lưu Thị Thủy
5	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022		Bình tỷ trọng 100ml, cân điện tử độ chính xác 0.01g, tủ sấy 300 độ C, bếp cách cát, sàng 5; 1,25; 0,125mm, bình hút ẩm	Lưu Thị Thủy

6	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	cân điện tử độ chính xác 0.1g; Tủ sấy 300 độ C, bình hút ẩm	Lưu Thị Thủy
7	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022	Máy thử thấm bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông trụ 150x150mm.	Lưu Thị Thủy
8	Phương pháp xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022	Thiết bị đo độ co ngót của bê tông	Lưu Thị Thủy
9	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022	Máy nén thủy lực, thước lá, khuôn đúc mẫu bê tông 150x150 vuông	Lưu Thị Thủy
10	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	Máy nén thủy lực, thước lá, bộ gá uốn, khuôn đúc mẫu uốn.	Lưu Thị Thủy
11	Xác định giới hạn bền kéo dọc khi bẻ	TCVN 3120:2022	Máy nén thủy lực, thước lá, bộ gá ép chế, khuôn đúc mẫu.	Lưu Thị Thủy
12	Xác định cường độ lăng trụ và modul đàn hồi khi nén	TCVN 5726:2022	Máy nén thủy lực, thiết bị đo modul đàn hồi khi nén.	Lưu Thị Thủy
XIII	THỬ NGHIỆM NHỰA BI TUM			
1	Xác định độ kim lún ở 25oC; Chỉ số kim lún PI – TT 27/2014/TT-BGTVT	TCVN 7495:2005 TCVN 13567-1:2022 (ASTM D 5 – 97)	Máy đo độ kim lún, kim nặng 100g, cốc đựng mẫu, đồng hồ bấm dây, nhiệt kế 500C (0,10C); Chậu nhôm đáy phẳng (F 55, cao 35mm); Bình chứa cốc mẫu ($\geq$ F 90, cao $\geq$ 55mm); Chậu đựng nước (15l); Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu đun chảy nhựa; Bể ổn nhiệt...	Nguyễn Thế Anh

2	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496 : 2005 ASTM D 113 - 99	Máy giãn dài(5cm±0,5cm/ph); Khuôn bằng đồng; Nhiệt kế 500C (0,10C); Chậu đựng nước (15l); Thiết bị gia nhiệt bếp ga, bếp điện hay bếp dầu hỏa, đun chảy nhựa; Dao cắt, gọt nhựa; Bể ổn nhiệt...	Nguyễn Thế Anh
3	Xác định điểm hoá mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497 : 2005 ASTM D 36 - 00	Khuôn tròn có đk trong $\Phi 15.9 \pm 3\text{mm}$ cao $6.4 \pm 4\text{mm}$ để chứa nhựa đường; Bi thép (F 9,5±0,03mm), nặng 3,5±0,05g; Khuôn treo; Vòng dẫn hướng của bi thép; Bình thủy tinh có dung tích 800ml; Dao cắt, dùng cắt nhựa; Nhiệt kế (2000C, chia 0,50C); Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu)...	Nguyễn Thế Anh
4	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498 : 2005 ASTM D 92 - 02b	Giá có vòng đỡ mẫu; Cốc mẫu bằng đồng ĐK trong $\Phi 63 \pm 1\text{mm}$ Chiều sâu $33 \pm 1\text{mm}$; Nhiệt kế (400°C, chia 0,5°C); Đồng hồ bấm giây; Bình ga gia nhiệt...	Nguyễn Thế Anh
5	Xác định lượng tổn thất khi gia nhiệt	TCVN 7499 : 2005 ASTM D 6 - 00	Giá quay tổn thất 5v/p, tủ sấy 300oC, hộp nhôm; Nhiệt kế (2000C, chia 0,50C...	Nguyễn Thế Anh
6	Xác định độ hòa tan trong Tricloetylen	TCVN 7500 : 2005 ASTM D 2042 - 01	Bộ thí nghiệm hòa tan tricloethylene, tủ sấy, hóa chất Tricloetylen...	Nguyễn Thế Anh
7	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501 : 2005 ; ASTM D 70 - 03	Tỷ trọng kế; Bể ổn nhiệt; Nhiệt kế...	Nguyễn Thế Anh

8	Xác định độ nhớt động học, độ nhớt tuyệt đối	TCVN 7502 : 2005	ASTM 2170	Thiết bị đo độ nhớt tuyệt đối, độ nhớt động học; cân độ chính xác 0,01g; tủ sấy; thiết bị dùng chung	Nguyễn Thế Anh
9	Xá định hàm lượng parafin	TCVN 7503 : 2005		Thiết bị các định hàm lượng parafin; thiết bị chung cất; tủ sấy; cân điện tử chính xác 0,0001g; thiết bị dùng chung	Nguyễn Thế Anh
10	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005		Dây buộc, bình thủy tinh, nước cất, bếp đun, nhiệt kế...	Nguyễn Thế Anh
XIV	NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXIT				
1	Xác định độ nhớt saybol	TCVN 8817-2:2011		Thiết bị đo độ nhớt tiêu chuẩn	Nguyễn Thế Anh
2	Xác định độ lắng và độ ổn định khi lưu trữ	TCVN 8817-3:2011		Bình lưu mẫu, pipet, cân kỹ thuật, cốc, tủ sấy...	Nguyễn Thế Anh
3	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:11;		Sàng, khay kim loại, nhiệt kế, cân, tủ sấy, bình hút ẩm...	Nguyễn Thế Anh
4	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:11		Thiết bị đo điện tích hạt	Nguyễn Thế Anh
5	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011		Sàng, khay kim loại, nhiệt kế, cân, tủ sấy, bình hút ẩm...	Nguyễn Thế Anh
6	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011		Sàng; tủ sấy; cân độ chính xác 0,01g; khay; chảo trộn; ống đong...	Nguyễn Thế Anh
7	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011		Chảo trộn, dao trộn, nhiệt kế, cân, ống pipet...	Nguyễn Thế Anh
8	Thử nghiệm độ chung cất	TCVN 8817-9:2011;		Bộ thí nghiệm chung cất; cân chính xác 0,01g; ống đong.	Nguyễn Thế Anh

9	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011;	Cốc thủy tinh; tử sậy; cân chính các 0,1g; sàng tiêu chuẩn;	Nguyễn Thế Anh
10	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:11;	Cốc trộn, cân, ống đong, nhiệt kế, nước cất...	Nguyễn Thế Anh
11	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011	Bình đong, bể ổn nhiệt, cân...	Nguyễn Thế Anh
12	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011	Cốc kim loại, chảo, ống đong, dao trộn, sàng tiêu chuẩn...	Nguyễn Thế Anh
XV	CHỈ TIÊU CƠ LÝ NHỰA ĐƯỜNG LỎNG			
1	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011 AASTHTO T79	Thiết bị cốc hồ Cleveland (thủ công), thiết bị cốc hồ Cleveland (tự động), dụng cụ đo nhiệt độ, ngọn lửa thử...	Nguyễn Thế Anh
2	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011 AASTHTO T55	Bình chung cất 500,1000 hoặc 2000ml, bếp ga, ống ngưng, ống hứng, dung môi	Nguyễn Thế Anh
3	Thử nghiệm chung cất	TCVN 8818-4:2011 AASTHTO T78	Bình chung cất dung tích 500ml, ống ngưng, ống dẫn hướng, vỏ chắn, giá đỡ vỏ chắn và bình chung cất, nguồn nhiệt bếp ga, ống thu dung tích 100ml, hộp kim loại đường kính 75mm, cao 55mm	Nguyễn Thế Anh
4	Xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:2011 ASTM D2171	Sử dụng nhớt kế mao dẫn, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, dụng cụ đo thời gian, hệ thống hút chân không.	Nguyễn Thế Anh

XVI	BÊ TÔNG NHỰA				
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011		Cân thủy tĩnh hay cân kỹ thuật (0,01g), Các phụ kiện; Chậu men (thủy tinh 2-3l); Đúc sẵn 3 mẫu trong khuôn; Máy nén Marshall; Tủ sấy 300°C; bể ổn nhiệt; Nhiệt kế, cân 6kg độ chính xác 0.1g; cân 30kg độ chính xác 1g...	Nguyễn Thế Anh
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011 (AASHTOT164-94 ASTM D2172-95)		Máy quay ly tâm, giấy lọc; Cân độ chính xác (0,1g), Các phụ kiện; Tủ sấy có thể duy trì nhiệt độ 110°C±5°C; Bếp điện và lò...	Nguyễn Thế Anh
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011		Tủ sấy có thể duy trì nhiệt độ 110°C±5°C; Bộ sàng tiêu chuẩn; Cân kỹ thuật độ chính xác 0.1%...	Nguyễn Thế Anh
4	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011		Tủ sấy có thể duy trì nhiệt độ 110°C±5°C; Nhiệt kế độ chính xác 1°C; Khay, áp kế, bình hút chân không; Cân kỹ thuật độ chính xác 0.1% có kèm các phụ kiện...	Nguyễn Thế Anh
5	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011		Cân kỹ thuật độ chính xác 0.1% có kèm các phụ kiện; Thùng nước để cân mẫu trong nước; Tủ sấy có thể duy trì nhiệt độ 110°C±5°C; Nhiệt kế độ chính xác 1°C...	Nguyễn Thế Anh
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011		Cân kỹ thuật, tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại bền nhiệt...	Nguyễn Thế Anh

7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Bộ thí nghiệm góc cạnh của cát...	Nguyễn Thế Anh
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Cân kỹ thuật độ chính xác 0.1% có kèm các phụ kiện; Thùng nước để cân mẫu trong nước; Tủ sấy có thể duy trì nhiệt độ $110^{\circ}\text{C} \pm 5^{\circ}\text{C}$; Nhiệt kế độ chính xác 1°C ...	Nguyễn Thế Anh
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	PP tính toán	Nguyễn Thế Anh
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	PP tính toán	Nguyễn Thế Anh
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	PP tính toán	Nguyễn Thế Anh
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	PP tính toán	Nguyễn Thế Anh
XVII	THỦ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA			

1	Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, Hàm lượng nước, Khối lượng riêng, Khối lượng thể tích và độ rỗng dư, Hệ số hao nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước và độ rỗng bột khoáng chất, Xác định KLR của bột khoáng chất và nhựa đường; Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường, Chỉ số hàm lượng nhựa, Độ ẩm, Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020		Bộ sàng, Cân kỹ thuật 0.1g, Bát sứ 20cm, Chày bịt cao su, bình đựng nước 10 lít, Bình hút âm, chén sứ chịu nhiệt, lò nung, Bình khối lượng riêng (100-250cm ³), Máy hút chân không, bình để rửa, Tủ sấy, nhiệt kế 200°C, Sàng 1.25, 0.14 mm, dầu hỏa, Khuôn, máy nén, Khay men, dao gạt, chổi lông, ống đong 50ml/0.5ml, Que thủy tinh, phễu, nước cất, Bình thủy tinh, Giấy lọc.....	Nguyễn Thế Anh
XVIII	THỬ NGHIỆM GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH				
1	Xác định cường độ kéo ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011 TCVN 10379:2014		Máy nén thủy lực; Bộ dụng cụ dùng chung	Lý Văn Trọng
XIX	PHÂN TÍCH HOÁ NƯỚC CHO XÂY DỰNG				
1	Xác định hàm lượng muối hòa tan và lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988		Tủ sấy; Lò nung; Bình hút âm, chén sứ	Điền Văn Phúc

2	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011	Bút đo độ ph	Điền Văn Phúc
3	Xác định hàm lượng Clorua	TCVN 6194:1996	Hóa chất, buret, Bình chứa, bộ dụng cụ dùng chung	Điền Văn Phúc
4	Xác định hàm lượng Sunfat	TCVN 6200:1996	Phễu thủy tinh, bình thủy tinh, cân độ chính xác 0,0001g, chén bạch kim	Điền Văn Phúc
5	Xác định natri và kali bằng đo phổ phát xạ ngọn lửa	TCVN 6196:2000	Quang kế ngọn lửa, phổ kế hấp thụ nguyên tử, Dụng cụ thủy tinh và polyetylen, hóa chất, thiết bị dùng chung	Điền Văn Phúc
6	Phương pháp xác định hàm lượng dầu, mỡ và hydrocacbon dầu mỡ trong nước	TCVN 9718:2013	Cuvet, máy quang phổ hồng ngoại, giấy lọc, ống đông, máy khuấy từ, bình định mức, hóa chất, thiết bị dùng chung	Điền Văn Phúc
XX	TẨM THẠCH CAO			
1	Xác định độ cứng của lõi, cạnh và gờ	TCVN 8257-2:2023	Máy nén thủy lực ; Cân điện tử độ chính xác 0,1g; Bộ kẹp cố định mẫu thử	Lưu Thị Thủy
2	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2023	Máy nén thủy lực ; Bộ gá thử uốn	Lưu Thị Thủy
3	Xác định độ kháng nhô đỉnh	TCVN 8257-4:2023	Máy nén thủy lực ; Cân điện tử độ chính xác 0,1g; Bộ kẹp cố định mẫu thử	Lưu Thị Thủy
4	Độ biến dạng do ẩm	TCVN 8257-5:2022	Buồng dưỡng ẩm; Giá đỡ; Dụng cụ đo độ võng	Lưu Thị Thủy
5	Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6:2023	Bể nước; Đũa thủy tinh; Cân điện tử;	Lưu Thị Thủy
XXI	ỐNG NHỰA, ỐNG HDPE, PE, PP			
1	Xác định độ bền va đập bên ngoài	TCVN 6144:2003 TCVN 7305:2008	Máy thử va đập	Lý Văn Trọng

2	Xác định kích thước	TCVN 6145:2007	Bộ dụng cụ đo các loại	Lý Văn Trọng
3	Xác định độ bền kéo	TCVN 7434-1:2004	Máy thử độ bền kéo; Thước Panme; Khuôn cắt	Lý Văn Trọng
4	Xác định độ bền kéo riêng ban đầu theo chiều dọc	TCVN 10967:2015	Máy thử độ bền kéo, dụng cụ đo kích thước	Lý Văn Trọng
5	Xác định độ cứng vòng	TCVN 8850:2011	Máy nén thủy lực; Dụng cụ đo kích thước; Cặp tâm phẳng	Lý Văn Trọng
6	Xác định độ bền với áp suất bên trong	TCVN 6149-1:2007 TCVN 6149-2:2007	Bơm thử áp lực đường ống, các đầu bịt, thiết bị dùng chung	Lý Văn Trọng
XXII	THỬ NGHIỆM BENTONITE			
1	Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, độ PH, hàm lượng cát, tỉ lệ chất keo, mất nước, độ dày áo sét, độ ổn định, hệ số thấm và cường độ của vữa bentonite; lực cắt tĩnh, độ dày trương phòng	TCVN 11893:2017	Bộ dụng cụ thí nghiệm bentonite	Điền Văn Phúc
XXIII	SƠN TƯỜNG DẠNG NHŨ TƯỜNG			
1	Sơn và vecni – Phương pháp thử cắt ô thử độ bền của lớp sơn phủ	TCVN 2097:2015	Các loại dao cắt, kính lúp	Điền Văn Phúc
2	Xác định độ bền rửa trôi màng sơn	TCVN 8653-4:2024	Máy rửa trôi màng sơn, thước kéo màng sơn	Điền Văn Phúc
3	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh màng sơn	TCVN 8653-5:2024	Tủ sấy 300 độ C, giá để mẫu, khăn lau	Điền Văn Phúc

XXIV	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
1	Xác định độ chặt hiện trường – PP dao dai	TCVN 12791: 2020	Bộ dụng cụ dao vòng; tủ sấy 300 độ C; Cân kỹ thuật độ chính xác 0,1g; Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g	Lưu Thị Thủy Lý Văn Trọng Điền Văn Phúc Nguyễn Thế Anh
2	Xác định khối lượng KL thể tích, độ chặt hiện trường: đất PP rót cát	TCVN 8729:2012 TCVN 8859: 2020 TCVN 8730:2012	Bộ dụng cụ rót cát; Tủ sấy 300 độ C; Cân điện tử 15kg ±0,5g; Bộ dụng cụ dùng chung	Lưu Thị Thủy Lý Văn Trọng Điền Văn Phúc Nguyễn Thế Anh
3	Xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012	Cân điện tử độ chính xác 0,01g; Bình hút ẩm; Bộ dụng cụ dùng chung; Cồn 96 độ	Lưu Thị Thủy Lý Văn Trọng Điền Văn Phúc Nguyễn Thế Anh
4	Độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước thẳng dài 3m; Con nôm; Chổi quét	Lưu Thị Thủy Lý Văn Trọng Điền Văn Phúc Nguyễn Thế Anh
5	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011	Bộ thí nghiệm CBR hiện trường	Lưu Thị Thủy Lý Văn Trọng Điền Văn Phúc Nguyễn Thế Anh
6	Phương pháp xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	Hệ thống chất tải, kích thủy lực; Tấm ép cứng; Đồng hồ đo biến dạng; Giá đỡ, Thước livo	Lưu Thị Thủy Lý Văn Trọng Điền Văn Phúc Nguyễn Thế Anh
7	PP thử nghiệm modul đàn hồi của đất nền và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp	TCVN 8861:2011	Hệ thống chất tải, kích thủy lực; Tấm ép cứng; Đồng hồ đo biến dạng; Giá đỡ, Thước livo	Lưu Thị Thủy Lý Văn Trọng Điền Văn Phúc Nguyễn Thế Anh

	sử dụng tấm ép cứng				
8	XĐ môđul đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011		Cần đo Benkelman; Thước kiểm tra độ sai lệch; Bộ dụng cụ dùng chung	Lưu Thị Thủy Lý Văn Trọng Điền Văn Phúc Nguyễn Thế Anh
9	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011		Cát tiêu chuẩn; Ống đong; Bàn xoa; Thước lá; Cân điện tử độ chính xác 0,1g	Lưu Thị Thủy Lý Văn Trọng Điền Văn Phúc Nguyễn Thế Anh
10	Đo điện trở đất	TCVN 9385: 2012		Máy đo điện trở đất	Lưu Thị Thủy Lý Văn Trọng Điền Văn Phúc Nguyễn Thế Anh
11	Bê tông nặng – phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012		Súng bật nảy, đá mài	Lưu Thị Thủy Lý Văn Trọng Điền Văn Phúc Nguyễn Thế Anh
12	Cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116:2012		Thước dây, thước kẹp, dưỡng lá, kính lúp, máy khoan, tấm ép, máy nén 3 cạnh ống cống.	Lưu Thị Thủy Lý Văn Trọng Điền Văn Phúc Nguyễn Thế Anh
13	Mương bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn	TCVN 6394:2014		Thước dây, thước kẹp, dưỡng lá, kính lúp, máy khoan, tấm ép, máy nén thủy lực	Lưu Thị Thủy Lý Văn Trọng Điền Văn Phúc Nguyễn Thế Anh

14	Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng phương pháp con lắc anh	TCVN 10271:2014	Thiết bị con lắc anh	Lưu Thị Thủy Lý Văn Trọng Điền Văn Phúc Nguyễn Thế Anh
----	---	-----------------	----------------------	---

Công ty TNHH Thuận Phong Vũ chịu trách trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thu Trang

DANH MỤC MÁY, THIẾT BỊ

Stt	Tên máy, thiết bị	Xuất xứ	Số hóa đơn thiết bị	Số giấy hiệu chuẩn, kiểm định	Tình trạng thiết bị	Năm đưa vào sử dụng
1.	Cân điện tử 6kg x 0.1g	Nhật	765, 1209	Số: IMC.1973.25	Tốt	2023
2.	Cân điện tử 15kg x 0.5g	Mỹ	603,1227, 642, 2801	Số: IMC.1974.25	Tốt	2021
3.	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn (WE-1000B)	TQ		Số: IMC.1988.25	Tốt	2017
4.	Máy thử độ bền, nén, uốn TYE-2000B	TQ		Số: IMC.1989.25	Tốt	2017
5.	Máy Los-Angeles	VN	655		Tốt	2022
6.	Máy khoan lấy mẫu bê tông T.TECH – Hon Đa 5.5HP	VN	450		Tốt	2022
7.	Tủ sấy 101	TQ	1743, 1144	Số: IMC.1982.25	Tốt	2025
8.	Thùng ngâm mẫu	TQ			Tốt	2020
9.	Máy cắt	TQ			Tốt	2020
10.	Bộ dụng cụ Vicat-TQ	TQ			Tốt	2020
11.	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	TQ	39		Tốt	2023
12.	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm	TQ	39		Tốt	2023
13.	Khuôn 40x40x160 Kẹp, bằng gang và nhựa	TQ	709, 619, 1116		Tốt	2025

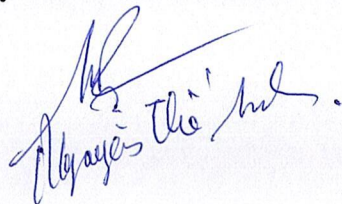
14	Bộ gá uốn mẫu gạch xây tiêu chuẩn	VN			Tốt	2021
15	Khuôn bê tông 150x150x150mm, bằng nhựa	VN	619, 845, 1116, 418		Tốt	2025
16	Côn thử độ sụt bê tông INOX	VN			Tốt	2022
17	Phiếu xác định độ xốp của đá	VN			Tốt	2022
18	Phiếu xác định độ xốp của cát	VN			Tốt	2022
19	Thước kẹp	VN	620		Tốt	2022
20	Thước đo kích thước hạt dài/dẹt đá dăm	VN			Tốt	2022
21	Bộ sàng đất tiêu chuẩn D300mm	TQ	1901		Tốt	2022
22	Bộ sàng đá tiêu chuẩn D300mm	TQ	845		Tốt	2022
23	Cung lực 50KN-Dial 0.01mm	TQ			Tốt	2022
24	Khuôn CBR tiêu chuẩn – T.TECH	TQ			Tốt	2022
25	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất – T.TECH	VN			Tốt	2022
26	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande	VN			Tốt	2022
27	Bộ đầm chặt Proctor tiêu chuẩn	VN			Tốt	2022
28	Bộ đầm chặt Proctor cải tiến	VN			Tốt	2022
29	Bộ dao vòng	VN			Tốt	2022

30	Bộ kiểm tra độ chặt bằng phương pháp rót cát	VN	765		Tốt	2022
31	Máy triết nhựa ly tâm	TQ	775	Số: IMC.1969.25	Tốt	2022
32	Đồng hồ so	TQ	709	Số: IMC.1978.25	Tốt	2022
33	Thiết bị thử hóa mềm nhựa	TQ		Số: IMC.1971.25	Tốt	2022
34	Bộ thí nghiệm bốc cháy nhựa	TQ		Số: IMC.1975.25	Tốt	2022
35	Bể ổn nhiệt	VN		Số: IMC.1976.25	Tốt	2022
36	Lò nung	TQ	603	Số: IMC.1977.25	Tốt	2022
37	Cân điện tử 300g x 0.01g	Mỹ		Số: IMC.1980.25	Tốt	2022
38	Vòng đo lực máy nén CBR/Mashall	TQ		Số: IMC.1985.25	Tốt	2022
39	Máy thử độ bền nén 300kN	TQ	39	Số: IMC.1987.25	Tốt	2022
40	Máy thử độ bền nén 2000kn	TQ			Tốt	2022
41	Thiết bị đo độ dẫn dài	TQ		Số: IMC.1972.25	Tốt	2022
42	Thiết Bị Đo Điện Trở Đất Kyoritsu 4105A	Thái Lan			Tốt	2022
43	Bộ gối uốn thép	TQ	3324		Tốt	2022
44	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ bằng nhựa (15x30cm)	VN			Tốt	2022

45	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ bằng thép (15x30cm)	T-Tech			Tốt	2022
46	Bộ ép chẻ mẫu bê tông hình trụ	T-Tech	39		Tốt	2023
47	Máy đầm Marshall tự động	VN	474		Tốt	2023
48	Bộ khuôn Marshall	T-Tech			Tốt	2022
49	Bộ đo E bằng thép ép cứng	T-Tech	1690		Tốt	2022
50	Bộ cân Benkenman	T-Tech			Tốt	2022
51	Thùng dung trọng	T-Tech			Tốt	2022
52	Bộ bàn cân thủy tĩnh	VN			Tốt	2022
53	Ống đồng thủy tĩnh	VN			Tốt	2022
54	Kích đèn mẫu	VN	603		Tốt	2022
55	Bộ dụng cụ thí nghiệm Bentonite ANY-1	VN	418		Tốt	2023
56	Thước 3m đo độ bằng phẳng mặt đường	VN			Tốt	2022
57	Dụng cụ đo độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	VN			Tốt	2022
58	Bình hút chân không D240	VN	1208		Tốt	2023
59	Bình tam giác có vòi 2500ml	VN	474		Tốt	2023

60	Bơm hút chân không	VN	1208		Tốt	2023
61	Súng đo nhiệt độ tự động	VN			Tốt	2022
62	Thiết bị đo modul đàn hồi khi nén	VN	39		Tốt	2023
63	Mũi khoan các loại	VN	620, 642, 419, 2483		Tốt	2023
64	Cối proctor bổ nửa	VN	1901		Tốt	2022

PHỤ TRÁCH VTTB



PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thu Trang

DANH SÁCH THÍ NGHIỆM VIÊN VÀ BÀN PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ PHÒNG THÍ NGHIỆM

Stt	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ được phân công	Văn bằng/Chứng chỉ
01	Vũ Duy Khánh	Đại học	Tổ chức, giám sát các thí nghiệm, kiểm tra phê duyệt kết quả thí nghiệm, xử lý các sự cố, đào tạo nâng cao tay nghề, đảm bảo an toàn lao động trong phòng thí nghiệm	Chứng nhận Quản lý phòng thí nghiệm/Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông
02	Nguyễn Thế Anh	Cao Đẳng	Thí nghiệm viên	Chứng nhận TNV Xây dựng công trình giao thông
03	Lưu Thị Thủy	THPT	Thí nghiệm viên	Chứng nhận TNV Xây dựng công trình giao thông
04	Điền Văn Phúc	THPT	Thí nghiệm viên	Chứng chỉ TNV Phương pháp xác định tính chất cơ – lý của đất trong phòng TN và hiện trường
05	Lý Văn Trọng	THPT	Thí nghiệm viên	Chứng chỉ Thí nghiệm vật liệu xây dựng

Ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

GIÁM ĐỐC


Vũ Duy Khánh



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thu Trang